

Số: 68 /2017/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 18 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí khác trong hoạt động chứng thực áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 20/6/2015;

Căn cứ Luật Công chứng số 53/2014/QH ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí khác trong hoạt động chứng thực áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 04 tháng 12 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn; các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KTVBQPPL -Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC, TP (05b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tổng Thanh Hải



QUY ĐỊNH

Quy định mức trần thù lao công chứng và chi phí khác trong hoạt động chứng thực áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 68 /2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định mức trần thù lao công chứng do các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng và mức trần đối với việc thu chi phí khác do Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu thực hiện việc in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản và các việc khác trong hoạt động chứng thực.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức hành nghề công chứng;
2. Phòng Tư pháp các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lai Châu (gọi chung là Phòng Tư pháp).
3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Lai Châu (gọi chung là UBND cấp xã).
4. Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng, chứng thực và dịch thuật;
5. Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Người yêu cầu công chứng trả thù lao công chứng cho tổ chức hành nghề công chứng khi được cung cấp dịch vụ như: Soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

Người yêu cầu chứng thực phải trả chi phí cho Phòng Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản và các việc khác có liên quan đến hoạt động chứng thực khi có yêu cầu Phòng Tư pháp hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.

2. Tổ chức hành nghề công chứng xác định mức thù lao công chứng để thu trên cơ sở mức trần thù lao công chứng được quy định tại Quy định này. Cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực xác định mức chi phí khác để thu trên cơ sở mức trần được quy định tại Quy định này.

Mức thù lao dịch thuật cụ thể do người yêu cầu dịch và người dịch tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức trần thù lao dịch giấy tờ, văn bản được áp dụng tại các tổ chức hành nghề công chứng theo mức trần thù lao công chứng đối với dịch giấy tờ, văn bản ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Mức trần thù lao công chứng và chi phí khác trong hoạt động chứng thực đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Điều 4. Mức trần thù lao công chứng và các chi phí khác liên quan đến hoạt động chứng thực

Mức trần thù lao công chứng và các chi phí khác liên quan đến hoạt động chứng thực được quy định như sau:

STT	LOẠI VIỆC	MỨC THU (tối đa)
I	SOẠN THẢO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	
1	Hợp đồng kinh tế, thương mại, đầu tư, kinh doanh	300.000 đồng/trường hợp
2	Văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản	300.000 đồng/trường hợp
3	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	250.000 đồng/trường hợp
4	Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất	250.000 đồng/trường hợp
5	Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp	100.000 đồng/trường hợp
6	Văn bản liên quan đến hôn nhân và gia đình (<i>phân chia tài sản chung của vợ chồng, xác định tài sản riêng của vợ chồng, nhập tài sản riêng vào tài sản chung, văn bản về chế độ tài sản theo thỏa thuận...</i>)	100.000 đồng/trường hợp
7	Hợp đồng thế chấp, cầm cố, bảo lãnh tài sản	100.000 đồng/trường hợp
8	Hợp đồng mua bán, tặng cho tài sản khác, góp vốn bằng tài sản khác	100.000 đồng/trường hợp
9	Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, thuê nhà, thuê, thuê lại tài sản	100.000 đồng/trường hợp
10	Hợp đồng vay tiền	100.000 đồng/trường hợp
11	Di chúc	100.000 đồng/trường hợp
12	Văn bản từ chối nhận di sản	100.000 đồng/trường hợp
13	Hợp đồng ủy quyền	100.000 đồng/trường hợp
14	Hợp đồng hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/trường hợp
15	Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng, giao dịch	50.000 đồng/trường hợp

16	Giấy ủy quyền	50.000 đồng/trường hợp
17	Hợp đồng, giao dịch khác	150.000 đồng/trường hợp
II	ĐÁNH MÁY, SAO CHỤP GIẤY TỜ, VĂN BẢN	
1	Đánh máy và in giấy tờ, văn bản (A4)	10.000 đồng/trang
2	Sao chụp (photocopy) văn bản, giấy tờ (trang khổ A4)	Thực hiện theo Thông báo giá của Sở Tài chính tại từng thời điểm cụ thể
3	Sao chụp (photocopy) văn bản, giấy tờ (trang khổ A3)	
III	DỊCH GIẤY TỜ, VĂN BẢN	
1	Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	
1.2	Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU	120.000 đồng/trang
1.3	Tiếng các nước khác	150.000 đồng/trang
2	Mức thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài	
2.1	Tiếng Anh hoặc tiếng một nước thuộc EU	150.000 đồng/trang
2.2	Tiếng các nước khác	200.000 đồng/trang
IV	NIÊM YẾT HỒ SƠ SƠ KHAI NHẬN DI SẢN THỪA KẾ, VĂN BẢN THỎA THUẬN PHÂN CHIA DI SẢN THỪA KẾ	
1	Dưới 10km (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	100.000 đồng/trường hợp
2	Từ 10 km trở lên (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	100.000 đồng + tiền đi lại + tiền lưu trú + tiền ngủ (theo chế độ công tác phí của cán bộ, công chức do HĐND tỉnh ban hành).
V	CÔNG VIỆC KÝ NGOÀI TRỤ SỞ	
1	Dưới 10km (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	200.000 đồng/lần
2	Từ 10 km trở lên (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	200.000 đồng + tiền đi lại + tiền lưu trú + tiền ngủ (theo chế độ công tác phí của cán bộ, công chức do HĐND tỉnh ban hành).

VI	CÔNG BỐ DI CHỨC	
1.	Dưới 10km (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	200.000 đồng/ trường hợp
2	Từ 10 km trở lên (tính từ trụ sở tổ chức hành nghề công chứng)	200.000 đồng + tiền đi lại + tiền lưu trú + tiền ngủ (theo chế độ công tác phí của cán bộ, công chức do HĐND tỉnh ban hành).
VII	CÁC CÔNG VIỆC KHÁC	100.000 đồng/trường hợp

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tự điều chỉnh và xác định mức thù lao công chứng và mức trần chi phí khác liên quan đến hoạt động chứng thực đối với từng loại việc nhưng không vượt quá mức trần quy định tại Điều 4 Quy định này, đồng thời phải niêm yết công khai tại trụ sở và báo cáo Sở Tư pháp.

Các tổ chức hành nghề công chứng, các cơ quan thực hiện chứng thực thu thù lao, chi phí cao hơn mức trần thù lao công chứng và mức trần các chi phí liên quan đến hoạt động chứng thực và mức thù lao, chi phí đã niêm yết thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức hành nghề công chứng được quản lý, sử dụng thù lao công chứng theo quy định; thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước về khoản thu thù lao công chứng; lập hóa đơn tài chính cho đối tượng nộp thù lao công chứng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục thuế có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các tổ chức hành nghề công chứng trong việc thu các khoản thù lao công chứng và khi phát hiện có hành vi vi phạm xử lý nghiêm theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ quan, tổ chức, các nhân phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Tống Thanh Hải